

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục xã, bản thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm học 2018 - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh;

Xét Tờ trình số 120/TTr-SGDĐT ngày 02/8/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục xã, bản thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh trong năm học 2018-2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục xã, bản thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm học 2018 - 2019 như sau:

1. Bổ sung danh mục các xã, bản của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh được hưởng chính sách bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (*biểu chi tiết số 01a*).

2. Bổ sung danh mục các xã, bản của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có địa bàn cách trở, giao thông đi lại khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh được hưởng chính sách bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (*biểu chi tiết số 01b*).

3. Đưa ra ngoài danh mục các xã, bản của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh không còn được hưởng chính sách bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (*biểu chi tiết số 02a*).

4. Đưa ra ngoài danh mục các xã, bản của các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có địa bàn sách trở, giao thông đi lại khó khăn trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh không còn được hưởng chính sách bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ (*biểu chi tiết số 02b*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, cơ sở giáo dục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT UBND tỉnh,
- TT UBNDTTQ tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.30b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thủy

Phụ lục Ia

DANH SÁCH BỔ SUNG CÁC XÃ, BẢN CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ BÁN TRÚ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo Quyết định số: 2019 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
1. Thành phố Sơn La: gồm 29 xã, 51 bản						
A. Trường THPT Chuyên: gồm 23 xã, 35 bản						
1. Huyện Sông Mã: gồm 04 xã, 04 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Xã Mường Lầm	III				
1	Bản Lầu				105	
2	Bản Mường Nưa				122	
II	Xã Mường Hung	III				
1	Bản Trung Dũng				121	
III	Xã Huổi Một					
1	Bản Bằng Búng				125	
IV	Xã Chiềng Sơ					
1	Bản Thắng Lợi				109	
2. Huyện Yên Châu: gồm 04 xã, 07 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Xã Tú Nang	III				
1	Bản Đồng Khùa				69	
II	Xã Phiêng Khoài					
1	Bản Lao Khô				65	
2	Bản Kim Chung				80	
3	Bản Hang Môn				78	
4	Bản Thanh Yên 2				75	
III	Xã Chiềng On					
	Bản Nà Đít				72	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
IV	Xã Chiềng Đông					
1	Bản Luông Mế				65	
3. Huyện Thuận Châu: gồm 07 xã, 12 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Xã Tông Lạnh	III				
1	Bản Tôm A				75	
2	TK 3				52	
II	Xã Mường É					
1	Bản Chiềng Ve A				34	
III	Xã Chiềng Pôm	III				
1	Bản Pom Khoảng B				62	
2	Bản Ít Cang				55	
3	Bản Có				42	
IV	Xa Chiềng Pắc					
1	Bản Xi Măng 1				45	
2	Bản Xi Măng 2				45	
V	Xã Long Lay	III				
1	Bản Cửa Hàng				46	
VI	Xã Chiềng Pha	III				
1	Bản Kiến Xương				40	
VII	Xã Co Mạ					
1	Bản Pa Khuông				65	
2	Bản Mớ				66	
4. Huyện Mường La: gồm 03 xã, 03 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Thị trấn Ít Ong	II				
1	Bản Nà Nong II	ĐBKK			45	
II	Xã Chiềng Lao					
1	Bản Chiềng Sanh				68	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
III	Xã Chiềng San					
1	Bản Pá Nàng				73	
5. Huyện Vân Hồ: gồm 01 xã, 01 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Xã Chiềng Yên					
1	Bản Leo				131	
6. Huyện Sốp Cộp; gồm 01 xã, 03 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Xã Mường Lạn					
1	Bản Nà Ân				148	
2	Bản Mường Lạn				135	
3	Bản Mường Cang				125	
7. Huyện Phù Yên; gồm 02 xã, 03 bản					Trường THPT Chuyên	
I	Xa Huy Tân					
1	Bản Vạn				130	
2	Bản Puổi				95	
II	Xa Kim Bon					
1	Bản Suối Bương				126	
B. Trường THPT Nguyễn Du; gồm 03 xã, 12 bản						
1. Huyện Thuận Châu: gồm 02 xã, 11 bản					Trường THPT Nguyễn Du	
I	Xã Bản Lầm	III				
1	Bản Búa				19	
3	Bản Buổng				20	
4	Bản Léch Lè				20	
5	Bản Dắt				17	
6	Bản Lọng				17	
7	Bản Lầm A				17	
8	Bản Lầm B				17	
II	Nậm Lầu	III				

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Bản Lọng Lầu				35	
2	Bản Xanh				26	
3	Bản Ít Cường				30	
2. Huyện Mai Sơn: gồm 01 xã, 01 bản						
III	Xã Chiềng Nọi	III				
1	Bản Nhụng Dưới				56	
C	Trường THPT Chiềng Sinh; gồm 03 xã, 04 bản					
1	Huyện Mai Sơn: gồm 01 xã, 02 bản				Trường THPT Chiềng Sinh	
I	Xã Nà Ốt	III				
1	Bản Xà Vịt				50	
2	Bản Trạm Cọ				50	
2	Huyện Bắc Yên: gồm 01 xã, 01 bản					
I	Xã Tạ Khoa	III			Trường THPT Chiềng Sinh	
	Bản Nhận Cường				80	
3	Huyện Thuận Châu: gồm 01 xã, 01 bản					
I	Xã Tông Lạnh	III			Trường THPT Chiềng Sinh	
	Bản Tôm A				25	
2	Huyện Mai Sơn: gồm 17 xã, 145 bản					
I	Xã Chiềng Lương	II			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Thăm	ĐBKK				
2	Bản Phiêng Nọi	ĐBKK			50	
3	Bản Thăm Phẳng	ĐBKK			50	
4	Bản Búa Bon	ĐBKK			50	
5	Bản Lụng Sàng	ĐBKK			50	
6	Bản Nà Rằm	ĐBKK			50	
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Phiêng Nọi	ĐBKK			25	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
2	Bản Kéo Lồm	ĐBKK			25	
3	Bản Thẩm Phẳng	ĐBKK			25	
4	Bản Búa Bon	ĐBKK			25	
5	Bản Buôm Khoang	ĐBKK			25	
6	Bản Lụng Sàng	ĐBKK			25	
7	Bản Nà Rằm	ĐBKK			25	
					Trường THPT Cò Nòi	
1	Bản Búa Bon	ĐBKK			17	
2	Bản Buôm Khoang	ĐBKK			17	
3	Bản Phiêng Nọi	ĐBKK			20	
4	Bản Nà Rằm	ĐBKK			20	
5	Bản Kéo Lồm	ĐBKK			20	
6	Bản Lụng Sàng	ĐBKK			20	
7	Bản Thẩm Phẳng	ĐBKK			20	
II	Xã Chiềng Mai	II			Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Lụng Và	ĐBKK			25	
2	Bản Thủy Lợi	ĐBKK			25	
3	Bản Cúp	ĐBKK			25	
4	Bản Nà Nghè	ĐBKK			25	
5	Bản Bon	ĐBKK			25	
6	Bản Vợt	ĐBKK			25	
7	Bản Nà Dong	ĐBKK			25	
8	Bản Ban	ĐBKK			25	
9	Bản Cuộm I	ĐBKK			25	
10	Bản Cuộm II	ĐBKK			25	
11	Bản Co Sâu	ĐBKK			25	
III	Xã Chiềng Chung	II			Trường THPT Mai Sơn	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Bản Xam Ta	ĐBKK			30	
2	Bản Ít Hồ	ĐBKK			30	
IV	Xã Chiềng Chăn	II			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Bó Pháy	ĐBKK			30	
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Nậm Luông	ĐBKK			20	
2	Bản Bó Pháy	ĐBKK			20	
V	Xã Chiềng Mung	II			Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Xum 1	ĐBKK			15	
2	Bản Hời	ĐBKK			15	
3	Bản Xum 2	ĐBKK			15	
VI	Xã Cò Nòi	II			Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Nong Môn	ĐBKK			11	
2	Bản Mai Thuận	ĐBKK			11	
VII	Xã Nà Bó	II			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Mè	ĐBKK			30	
VIII	Xã Chiềng Sung	II		Trường THCS Chiềng Sung	Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Bải Tám	ĐBKK		12	30	
2	Bản Pá Cu	ĐBKK		7	30	
3	Bản Co Hát	ĐBKK		8	30	
4	Bản Cà Nam	ĐBKK			30	
5	Bản Nà Lầu	ĐBKK			30	
6	Bả Ta Đứng	ĐBKK		7		
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Pá Cu	ĐBKK			20	
2	Bản Nà Lầu	ĐBKK			20	
IX	Xã Mường Bằng	II			Trường THPT Chu Văn Thịnh	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
1	Bản Ít Kó	ĐBKK			30	
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Ít Kó	ĐBKK			12	
X	Xã Chiềng Ve	III		Trường THCS Chiềng Ve	Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Nà Lăn			7	20	
2	Bản Tô Vuông				15	
3	Bản Mè Trên				16	
4	Bản Mè Dưới				16	
5	Bản Sươn				17	
6	Bản Khiềng				19	
7	Bản Thăm			8	21	
8	Bản Đông Bai				20	
9	Bản Púng				10	
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Tô Vuông				30	
2	Bản Mè Trên				30	
3	Bản Mè Dưới				30	
4	Bản Sươn				30	
5	Bản Khiềng				30	
6	Bản Thăm				30	
7	Bản Nà Lăn				30	
8	Bản Đông Bai				30	
9	Bản Púng				30	
XI	Tà Hộc	III			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Hộc				40	
2	Bản Mông				40	
3	Bản Bơ				40	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
4	Bản Pon				40	
5	Bản Heo				40	
6	Bản Luân				40	
7	Bản Pá Nó A				40	
8	Bản Pá Nó B				40	
9	Bản Pá Hóc				40	
10	Bản Pù Tền				40	
XII	Chiềng Dong	III			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Lò Um				15	
2	Bản Dè				10	
			Trường TH Chiềng Dong		Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Lò Um				40	
2	Bản Dè				40	
3	Bản Pha Đin				40	
4	Bản Khoáng		4		40	
5	Bản Nà Khoang				40	
6	Bản Nghịu				40	
7	Bản Chăm Biên		4		40	
8	Bản Pắc Ngần				40	
9	Bản Liềng		4		40	
XIII	Xã Chiềng Nọi	III	Trường TH Chiềng Nọi 2	Trường PTDTBT - THCS Phiêng Cầm	Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Sài Khao				50	
2	Bản Co Hịch			25		
3	Bản Thăm		5			
			Trường TH Chiềng Nọi 1		Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Co Hịch				120	
2	Bản Thăm				120	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
3	Bản Huổi Do				120	
4	Bản Phé				120	
5	Bản Cho Cong				120	
6	Bản Pá Hốc		10		120	
7	Bản Nhung Trên				120	
8	Bản Nhung Dưới				120	
9	Bản Bằng Ban				120	
10	Bản Huổi Sàng				120	
11	Bản Phiêng Khôm				120	
12	Bản Nà Phạng				120	
13	Bản Hua Pư				120	
14	Bản Huổi Lập				120	
XIV	Xã Phiêng Cầm	III			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Nong Nghè				50	
			Trường TH Phiêng Cầm 2		Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Noong Tầu Thái				80	
2	Bản Xà Nghè				80	
3	Bản Huổi Nhà K/mú				80	
4	Bản Nong Nghè				80	
5	Bản Phiêng Phụ (A)				80	
6	Bản Phiêng Phụ (B)				80	
7	Bản Lọng Ban				80	
8	Bản Xà Liệt				80	
9	Bản Huổi Nhà Thái				80	
10	Bản Phiêng Mụ				80	
11	Bản Cù				80	
12	Bản Hua Nà				80	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
13	Bản Pú Tậu				80	
14	Bản Huổi Thươn				80	
15	Bản Tang Lương				80	
16	Bản Co Muông				80	
17	Bản Huổi Thùng				80	
18	Bản Thảm Hưn		6		80	
19	Bản An Mạ				80	
20	Bản Lọng Hòm				80	
21	Bản Tong Chính				80	
22	Bản Nặm Pút				80	
23	Bản Long Nghịu				80	
24	Bản La Va				80	
25	Bản Bon Trỏ				80	
26	Bản Pá Po				80	
27	Bản Nong Tầu Mông				80	
					Trường THPT Cò Nòi	
1	Bản Xà Liệt				55	
2	Bản Cù				55	
3	Bản Co Muông				55	
4	Bản Huổi Thươn				55	
5	Bản La Va				55	
6	Bản Tong Chính (Huổi Hảo)				55	
7	Bản An Mạ				55	
8	Bản Phiêng Phụ A				55	
9	Bản Lọng Ban				55	
10	Bản Bon Trỏ				55	
11	Bản Hua Nà				55	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản DBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
12	Bản Huổi Nhà Thái				55	
13	Bản Huổi Thùng				55	
14	Bản Lọng Nghịu				55	
15	Bản Pá Po				55	
16	Bản Phiêng Mụ				55	
17	Bản Phiêng Phụ B				55	
18	Bản Pú Tậu				55	
19	Bản Tang Lương				55	
20	Bản Thẩm Hưn				55	
21	Bản Nặm Pút				55	
22	Bản Nong Tàu Thái				55	
23	Bản Xà Nghè				55	
24	Bản Huổi Nhà K. Mú				55	
25	Bản Nong Nghè				55	
26	Bản Lọng Hỏm				55	
27	Bản Nong Tàu Mông				55	
XV	Xã Phiêng Păn	III	Trường TH Phiêng Păn 3		Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Ta Vắt (Điểm Bản Ngâm)		4		40	
2	Bản Vít				40	
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Xà Cành				60	
2	Bản Kết Nà				60	
3	Bản Nà Nhụng				60	
4	Bản Đen				60	
5	Bản Vít				60	
6	Bản Thán				60	
7	Bản Pá Nó				60	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
8	Bản Co Hày				60	
9	Bản Nà Pồng				60	
10	Bản Pén				60	
					Trường THPT Cò Nòi	
1	Bản Vít				25	
2	Bản Nà Nhụng				25	
3	Bản Pá Nó				27	
4	Bản Co Hày				27	
5	Bản Pén				30	
6	Bản Pá Po				30	
7	Bản Kết Hay				30	
8	Bản Pá Liềng				30	
9	Bản Pá Tong				30	
10	Bản Pá Ban				30	
11	Bản Thán				30	
12	Bản Đen				30	
13	Bản Kết Nà				30	
14	Bản Nà Pồng				30	
15	Bản Xà Cánh				30	
XVI	Xã Nà Ót	III			Trường THPT Chu Văn Thịnh	
1	Bản Hìn Đón				30	
					Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Nà Hạ				50	
2	Bản Ô Lọ				50	
3	Bản Trạm Cọ				50	
4	Bản Hìn Đón				50	
5	Bản Pá Khoang				50	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
6	Bản Xum Hom				50	
7	Bản Pá Trá				50	
8	Bản Huổi Kệt				50	
9	Bản Há Xét				50	
10	Bản Lọng Lót				50	
11	Bản Nậm Lanh				50	
12	Bản Xà Vịt				50	
13	Bản Lụng Cuông				50	
14	Bản Xà Kia				50	
15	Bản Nà Un				50	
16	Bản Huổi Dên				50	
17	Bản Nà Ốt				50	
XVII	Xã Chiềng Kheo	III			Trường THPT Chu Văn Thịnh Trường THPT Mai Sơn	
1	Bản Nà Kéo					
2	Bản Nà Lon				45	
3	Bản Có				45	
4	Bản Buốt				45	
5	Bản Tô Vẩn				45	
6	Bản Nà Viên				45	
7	Bản Páng Sắng B				45	
8	Bản Páng Sắng A				45	
9	Bản Tình				45	
3. Huyện Yên Châu: gồm 03 xã, 17 bản						
I	Xã Chiềng Hặc	II		Trường THCS Chiềng Hặc	Trường THPT Yên Châu	
1	Bản Hang Hóc	ĐBKK		7	18	
				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn		

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
2	Bản Pa Hóc	ĐBKK		17	19	
II	Xã Viêng Lán	II	Trường TH Viêng Lán			
1	Bản Xốp Hẹ	ĐBKK	4			
III	Xã Tú Nang	III		Trường PTCS Tà Làng	Trường THPT Yên Châu	
1	Bản Tú Quỳnh			7	35	
				Trường THCS Tú Nang		
2	Bản Suối Bùn			7	27	
3	Bản Suối Phà			7	23	
				Trường THCS Nguyễn Cảnh Toàn		
4	Bản Văng Phay			27	30	
5	Bản Tà Làng Thấp			32	35	
6	Bản Đông Khùa			25	28	
7	Cung Đông Khùa			25	28	
8	Bản Trung Tâm			27	30	
9	Bản Lắc Kén			19	22	
10	Bản Nà Khoang			21	24	
11	Bản Chiềng Ban 1			30	33	
12	Bản Chiềng Ban 2			30	33	
13	Bản Nàng Yên			27	30	
14	Bản Cốc Lắc			22	25	
4. Huyện Mộc Châu: gồm 10 xã, 26 bản						
I	Xã Lóng Sập	II	Trường Tiểu học Lóng Sập	Trường PTDTBTTHCS Lóng Sập	Trường THPT Thảo Nguyên	
1	Bản Pha Nhên	ĐBKK	5			
2	Bản Buốc Pát	ĐBKK	5			
3	Bản A Má I	ĐBKK	18	18	30	
4	Bản Pha Đón	ĐBKK	25			
I	Xã Lóng Sập	II			Trường THPT Mộc Ly	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
1	Bản Pha Nhên	ĐBKK			30	
2	Bản Buốc Pát	ĐBKK			30	
3	Bản A Má I	ĐBKK			30	
II	Xã Tân Hợp	III	Trường Tiểu học Tân Hợp	Trường THCS Nà Mường	Trường THPT Thảo Nguyên	
1	Bản Sao Tua		12	12km		
2	Bản Nà Mí		6			
3	Bản Tầm Phế		6			
4	Bản Nà Mường				45	
II	Xã Tân Hợp	III			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Nà Mường				45	
2	Bản Suối Chanh				50	
3	Bản Suối Sáy				50	
4	Bản Suối Khoang				50	
5	Bản Bó Liễu				50	
6	Bản Pơ Nang				45	
III	Xã Hua Păng	II			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Suối Ba	ĐBKK			20	
2	Bản Suối Đôn	ĐBKK			25	
3	Bản Bó Hiềng	ĐBKK			25	
4	Bản Tà Lánh	ĐBKK			25	
5	Bản Nà Bó I	ĐBKK			25	
III	Xã Hua Păng	II			Trường THPT Thảo Nguyên	
5	Bản Suối Đôn	ĐBKK			28	
6	Bản Suối Ba	ĐBKK			28	
7	Bản Nà Bó I	ĐBKK			35	
IV	Xã Phiêng Luông	II			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Pa Hốc	ĐBKK			16	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
IV	Xã Phiêng Luông	II			Trường THPT Thảo Nguyên	
1	Bản Pa Hốc	ĐBKK			15	
V	Xã Nà Mường	II	Trường TH Nà Mường	Trường THCS Nà Mường	Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Suối Khua	ĐBKK	6	7	38	
V	Xã Nà Mường	II			Trường THPT Thảo Nguyên	
1	Bản Suối Khua	ĐBKK			35	
VI	Xã Chiềng Hắc	II			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Tà số 1	ĐBKK			18	
2	Bản Tà số 2	ĐBKK			18	
3	Bản Cò Liu	ĐBKK			20	
VI	Xã Chiềng Hắc	II		Trường THCS Chiềng Hắc	Trường THPT Thảo Nguyên	
1	Bản Tà số 1	ĐBKK		8	25	
2	Bản Tà số 2	ĐBKK		9	25	
VII	Xã Quy Hướng	II			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Suối Cẩu 1	ĐBKK			45	
VIII	Xã Đông Sang	II			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Chấm Cháy	ĐBKK			15	
IX	Xã Chiềng Khừa	III			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Phách				35	
2	Bản Suối Đon				40	
X	Xã Tà Lại	III			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Nà Cạn				42	
* Huyện Vân Hồ: gồm 13 xã, 79 bản						
I	Xã Xuân Nha	III			Trường THPT Chiềng Sơn	
1	Bản Pù Lầu				35	
I	Xã Xuân Nha	III			Trường THPT Mộc Ly	
2	Bản Tùn				45	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
2	Bản Pù Lầu				50	
3	Bản Nà Hiêng				50	
4	Bản Chiềng Nưa				50	
5	Bản Chiềng Hìn				50	
6	Bản Thín				50	
7	Bản Nà An				50	
8	Bản Mường An				50	
II	Xã Tân Xuân	III			Trường THPT Chiềng Sơn	
1	Bản Láy				50	
II	Xã Tân Xuân	III			Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Láy				60	
2	Bản Đông Tà Lào				60	
3	Bản Tây Tà Lào				60	
4	Bản Ngà				60	
5	Bản Bún				60	
III	Xã Lóng Luông	II			Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Săn Cài	ĐBKK			29	
2	Bản Co Tang	ĐBKK			30	
3	Bản Pa Kha	ĐBKK			30	
4	Bản Lũng Xá	ĐBKK			30	
5	Bản Suối Bon	ĐBKK			30	
IV	Xã Tô Múa	II			Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Đạo	ĐBKK			27	
2	Bản Co Cài	ĐBKK			32	
3	Bản Tong Kiêng	ĐBKK			32	
4	Bản Đá Mài	ĐBKK			32	
5	Bản Suối Liêm	ĐBKK			32	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
6	Bản Khu Ngựa	ĐBKK			32	
7	Bản Khảm	ĐBKK			32	
V	Xã Song Khủa	III			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Bến Khủa				55	
2	Bản Song Hưng				60	
3	Bản Co Hó				60	
4	Bản Un				60	
5	Bản Suối Sấu				60	
6	Bản Tàu Dầu				60	
VI	Xã Chiềng Xuân	III			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Sa Lai				47	
2	Bản Nậm Dền				50	
3	Bản Khò Hồng				50	
VII	Xã Chiềng Yên	III			Trường THPT Mộc Ly	
1	Bản Bổng Hà				60	
2	Bản Phụ Mẫu I				55	
3	Bản Nà Bai				60	
4	Bản Leo				60	
5	Bản Phụ Mẫu II				60	
6	Bản Phà Lê				60	
7	Bản Piềng Chà				60	
8	Bản Pa Puộc				60	
9	Bản Suối Mực				60	
10	Bản Co Bá				60	
11	Bản Bướt				60	
12	Bản Co Hào				60	
13	Bản Niên				60	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
VIII	Xã Quang Minh	III			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Nà Bai				60	
2	Bản To Ngùi				70	
3	Bản Coong				60	
IX	Xã Chiềng Khoa	II			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Chiềng Lè	ĐBKK			30	
2	Bản Páng 1	ĐBKK			30	
3	Bản Páng 2	ĐBKK			30	
4	Bản Mường Khoa	ĐBKK			30	
5	Bản Tin Tộc	ĐBKK			30	
X	Xã Mường Tè	III			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Săn Hiềng				50	
2	Bản Háng				60	
3	Bản Pơ Tào				60	
4	Bản Hình				60	
XI	Xã Suối Bàng	III			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Sỏi				65	
2	Bản Suối Khẩu				65	
3	Bản Chiềng Đa				65	
4	Bản Bó				65	
5	Bản Pa Đì				65	
6	Bản Pư Ta				65	
XII	Xã Mường Men	III			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Uông				55	
2	Bản Khả Nhài				55	
3	Bản Chột				55	
4	Bản Ui				55	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
5	Bản Pa Khôm				55	
6	Bản Nà Pa				55	
7	Bản Suối Van				55	
XIII	Xã Liên Hòa, Vân Hồ	III			Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Tà Phù				45	
2	Bản Dón				45	
3	Bản Tường Liên				45	
4	Bản Nôn				45	
5	Bản Liên Hợp				45	
6	Bản Lấn				45	
7	Bản Ngâm				45	
hâu: gồm 3 xã, 32 bản						
I	Xã Tú Nang	III			Trường THPT Mộc Lỵ	
1	Bản Tà Làng Thấp				35	
2	Bản Tà Làng Cao				45	
3	Bản Chiềng Ban				35	
4	Bản Đông Khùa				30	
5	Bản Nong Pét				35	
6	Bản Cổ Nông				35	
7	Bản Nàng Yên				35	
8	Bản Cáy Ton				35	
9	Bản Hua Đán				35	
10	Bản Cô Tông				35	
11	Bản Bồ Mon				35	
12	Bản Suối Bùn				35	
13	Bản Tìn Tộc				35	
14	Bản Cốc Cù				35	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
15	Bản Tú Quỳnh				35	
16	Bản Văng Phay				35	
II	Xã Lóng Phiêng	III			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Pha Cúng				55	
2	Bản Nà Mùa				50	
3	Bản Cò Chĩa				50	
4	Bản Pa Sa				50	
5	Bản Nong Đức				50	
6	Bản Tà Vàng				50	
7	Bản Mơ Tươi				50	
8	Bản Tô Buông				50	
III	Xã Chiềng Tương	III			Trường THPT Mộc Lý	
1	Bản Bó Hìn				50	
2	Bản Pa kha III				55	
3	Bản Pa kha II				55	
4	Bản Pa kha I				55	
5	Bản Đề A				55	
6	Bản Pom Khốc				55	
7	Bản Pa Khôm				55	
8	Bản Co Lắc				55	
5. Huyện Vân Hồ: gồm 8 xã, 31 bản						
I	Xã Chiềng Yên	III	Trường TH Chiềng Yên			
1	Bản Nà Bai		10			
2	Bản Piềng Chà		10			
3	Bản Bướn		10			
4	Bản Cò Bá		6			
5	Bản Phụ Mẫu		5			

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
II	Xã Chiềng Xuân	III	Trường TH Chiềng Xuân			
1	Bản Sa Lai		4			
2	Bản Láy		6			
3	Bản A Lang		8			
4	Bản Nậm Dên		7			
5	Bản Nà Sàng		12			
III	Xã Lóng Luông	II		Trường THCS Lóng Luông	Trường THPT Vân Hồ	
1	Bản Co Tang	ĐBKK		8	17	
2	Bản Săn Cài	ĐBKK			15	
3	Bản Pa Kha	ĐBKK			13	
4	Bản Lũng Xá	ĐBKK			16	
VI	Xã Liên Hòa	III	Trường TH Liên Hòa			
1	Bản Tà Phù		12			
2	Bản Dón		10			
V	Xã Mường Men	III	Trường TH Mường Men			
1	Bản Chột		4			
2	Bản Khả Nhài		4			
3	Bản Ưông		4			
VI	Xã Suối Bàng	II	Trường TH Suối Bàng			
1	Bản Bó		8			
VII	Xã Xuân Nha	III	Trường TH Xuân Nha	Trường THCS Xuân Nha	Trường THPT Vân Hồ	
1	Bản Mường An			12	13	
2	Bản Nà An			10	14	
3	Bản Chiềng Hin		6	8	25	
4	Bản Pù Lầu		7	8	31	
5	Bản Turen				25	
6	Bản Nà Hiềng				23	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
7	Bản Thín				21	
6. Huyện : Phù Yên: gồm: 20 xã, 78 bản						
	Xã Huy Bắc	II	Trường TH Huy Bắc	Trường THCS Huy Bắc	Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Sáy Tú	ĐBKK	11	11	14	
	Xã Tường Tiến	II	Trường TH &THCS Tường Tiến	Trường TH &THCS Tường Tiến	Trường THPT Gia Phù	
1	Bản Cột Mốc	ĐBKK	5	20	19	
2	Bản Co Pục	ĐBKK			16	
3	Bản Hua Nà	ĐBKK			14	
4	Bản Thín 1	ĐBKK			18	
5	Bản Thín 2	ĐBKK			19	
	Xã Huy Tường	II			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Suối Pai	ĐBKK			14	
2	Bản Suối Nhũng	ĐBKK			14	
3	Bản Noong Pùng	ĐBKK			11	
					Trường THPT Tân Lang	
1	Bản Suối Pai	ĐBKK			35	
	Xã Tân Lang	II	Trường TH Tân Lang	Trường THCS Tân Lang	Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Tường cà	ĐBKK	5 km		33	
2	Bản Bãi lau	ĐBKK		9 km	37	
3	Bản Suối Lèo	ĐBKK		9 km	24	
	Xã Tường Hạ	III			Trường THPT Gia Phù	
1	Bản Tầm Ốc 1				11	
2	Bản Tầm Ốc 2				11	
3	Bản Đen				12	
	Xã Mường Bang	II			Trường THPT Gia Phù	
1	Bản Dinh	ĐBKK			42	
2	Bản Chè Mè	ĐBKK			50	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
3	Bản Suối Gà	ĐBKK			53	
4	Bản Suối Lao	ĐBKK			55	
					Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Dinh	ĐBKK			50	
2	Bản Chè Mè	ĐBKK			52	
3	Bản Suối Gà	ĐBKK			53	
4	Bản Suối Lao	ĐBKK			51	
					Trường THPT Tân Lang	
1	Bản Dinh	ĐBKK			30	
2	Bản Chè Mè	ĐBKK			40	
3	Bản Suối Gà	ĐBKK			39	
4	Bản Suối Lao	ĐBKK			37	
	Xã Bắc Phong	II			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Bó vả	ĐBKK			40	
	Xã Đá Đỏ	II			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Bãi Sại	ĐBKK			50	
2	Bản Vàng A	ĐBKK			55	
3	Bản Suối Tiểu	ĐBKK			45	
	Xã Mường Thái	II			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Suối Quốc	ĐBKK			18	
					Trường THPT Tân lang	
1	Bản Giáp đất	ĐBKK			50	
2	Bản Khe Lành	ĐBKK			30	
3	Bản Khoai lang	ĐBKK			27	
4	Bản Suối Quốc	ĐBKK			40	
5	Bản Suối Tàu	ĐBKK			19	
	Xã Huy Thượng	III	Trường TH Huy Thượng	Trường THCS Huy Thượng	Trường THPT Tân lang	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
1	Bản Núi Hồng		7	7	33	
	Xã Huy Tân	III	Trường TH Huy Tân	Trường THCS Huy Tân	Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Lềm		4			
2	Bản Suối Cù		7	7	10	
	Xã Suối Bau	III	Trường TH Suối Bau	Trường THCS Suối Bau		
1	Bản Suối Cáy		10			
2	Bản Suối Hiền			7		
	Xã Mường Do	III	Trường TH Mường Do			
1	Bản Tường Do		4			
2	Bản Tân Do		4			
3	Bản Han 5		6			
					Trường THPT Phù Yên	
1	Bãi Lươn				36	
2	Suối Lồng				37	
3	Bản Han 3				45	
4	Bản Han 4				46	
5	Bản Tường Do				40	
6	Bông Sỏi				35	
7	Bản Tân Do				40	
8	Bản lằm				41	
9	Bản Han 1				42	
10	Bản Han 5				50	
					Trường THPT Tân Lang	
1	Bản Han 1				20	
2	Bản Han 2				21	
3	Bản Han 3				22	
4	Bản Han 4				23	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
5	Bản Han 5				24	
6	Bản Do				13	
7	Bản Do 1				19	
8	Bản Do 2				20	
9	Bản Do 5				22	
10	Bản Tường Do				13	
11	Bản Suối Lồng				25	
12	Bản Lăn				13	
13	Bản Páp				10	
14	Bản Kiềng				15	
15	Bản Tân Do				12	
	Xã Tường Phong	III			Trường THPT Gia Phú	
1	Bản Suối Tre				20	
2	Bản Xanh Vàng				24	
3	Bản Vặm				22	
4	Bản Hạ Lương				21	
	Xã Tân Phong	III			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Liếm				34	
2	Bản In				35	
3	Bản Bông 1				35	
4	Bản Bông 2				34	
5	Bản Đồng Mã				33	
6	Bản Mừng				36	
7	Bản Vạn				36	
	Xã Sập Xa	III			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản keo Lán				35	
2	Bản Xa				30	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1		3	4	5	6	7
3	Bản Nà Lạy				33	
4	Bản Pưn				37	
5	Bản Phiêng Lương				34	
	Xã Mường Cơi	II			Trường THPT Tân Lang	
1	Bản Suối Bực	BĐBKK			18	
2	Bản Suối Cốc	BĐBKK			17	
	Xã Mường Lang	III			Trường THPT Tân Lang	
1	Bản Tường Lang 1				10	
2	Bản Tường Lang 2				11	
3	Bản Tường Lang 3				15	
4	Bản Thượng lang				11	
	Xã Quang Huy	II			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản Suối Ngang	BĐBKK			15	
2	Bản Suối ó	BĐBKK			15	
	Xã Suối Tọ	III			Trường THPT Phù Yên	
1	Bản trò				11	
2	Bản Suối Khang				11	
3	Bản Lung khoai A				11	
4	Bản Lung khoai B				11	
5	Bản Suối Tọ				15	
6	Bản Bắc Bẹ A				16	
7	Bản Bắc Bẹ B				20	
8	Bản Bắc Bẹ C				20	
9	Bản Suối Dinh				20	
7. Huyện Bắc Yên: gồm 10 xã, 29 bản						
I	Xã Tạ Khoa	III		Trường THCS xã Tạ Khoa		
1	Bản Suối Sát, xã Hua Nhân			7		

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
II	Xã Song Pe	III		Trường THCS xã Song Pe		
1	Bản Cải A, xã Chim Vàn			7		
2	Bản Suối Đay, xã Chim Vàn			8		
III	Xã Mường Khoa	II		Trường THCS xã Mường Khoa		
1	Bản Cải B, xã Chim Vàn	ĐBKK		12		
2	Bản Thón B, xã Hua Nhân	ĐBKK		14		
3	Bản Khê B, xã Hua Nhân	ĐBKK		14		
IV	Xã Hồng Ngài	III	Trường PTDTBTTH Hồng Ngài	Trường PTDTBTTHCS Hồng Ngài		
1	Bản Liếm Xiên, xã Song Pe		8	9		
2	Bản Suối Chanh, xã Song Pe		6	7		
3	Bản Mới, xã Song Pe		7,5	7		
V	Xã Hang Chú	III	Trường PTDTBTTH Suối Lệnh	Trường PTDTBT THCS xã Hang Chú		
1	Bản Lệnh Tiến, xã Chim Vàn		5	23		
VI	Xã Phiêng Ban	III	Trường TH Phiêng Ban II	Trường THCS xã Phiêng Ban		
1	Bản Đung, xã Hồng Ngài			12		
2	Bản Suối Sắt, xã Hua Nhân			52		
3	Bản Suối Chanh, xã Song Pe			17		
VII	Xã Chiềng Sại	III	Trường TH xã Chiềng Sại			
1	Bản Pơ Nang 2, xã Tân Hợp, Mộc Châu		14			
VIII	Xã Tà Xùa	III		Trường THCS xã Tà Xùa		
1	Bản Phiêng Ban A, xã Phiêng Ban			8		
IX	Xã Háng Đồng	III		Trường PTDTBTTHCS Háng Đồng		
1	Bản Pa Khóm, xã Hua Nhân			75		
X	Thị trấn Bắc Yên	II		Trường THCS Lý Tự Trọng		
1	Bản Cải A, xã Chim Vàn	ĐBKK		15,4		
2	Bản Cải B, xã Chim Vàn	ĐBKK		22,7		
3	Bản Suối Lẹ, xã Chim Vàn	ĐBKK		15,5		

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
4	Bản Chim Thượng, xã Chim Ván	ĐBKK		33,5		
5	Bản Nà Phán, xã Chim Ván	ĐBKK		31,5		
6	Bản Suối Tù, xã Chim Ván	ĐBKK		23,7		
7	Bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn	ĐBKK		83		
8	Bản Pa Khóm, xã Hua Nhàn	ĐBKK		69		
9	Bản Thón B, xã Hua Nhàn	ĐBKK		39		
10	Bản Cha, xã Phiêng Côn	ĐBKK		57,5		
11	Bản Nhèm, xã Phiêng Côn	ĐBKK		53		
12	Bạ A, xã Phiêng Ban	ĐBKK		9		
13	Cao Đa 2, xã Phiêng Ban	ĐBKK		7		
8. Huyện Thuận Châu: gồm 16 xã, 62 bản						
I	Xã Ế Tòng	III		Trường THCS Ế Tòng		
1	Bản Nà Vạng			9		
II	Xã Co Tòng	III		Trường PTDT bán trú THCS Co Tòng		
1	Bản Há Khúa A			7,5		
			Trường TH Co Mạ 1	Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ		
2	Bản Pá Cháo	ĐBKK	24			
3	Bản Pá Hốc	ĐBKK	20	20		
4	Bản Co Cài			43		
III	Xã Mường Bám	III	Trường Tiểu học Mường Bám II	Trường THCS Mường Bám		
1	Bản Nà Pa			7		
2	Bản Nà Tra		5			
3	Bản Pá Nó		15			
4	Bản Tư Làng A		12			
5	Bản Tư Làng B		12			
6	Bản Hát Pang		7			
7	Bản Bánh Ó		6			

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
IV	Xã Mường É		Trường Tiểu học Chiềng Ly			
1	Bản Hát Lụ		30			
V	Xã Mường Khiêng	III		Trường THCS Mường Khiêng		
1	Bản Hốc			8.5		
2	Bản Huổi Pán			11		
3	Bản Bon			8.5		
4	Bản Sinh Lẹp			11		
5	Bản Him Lẹp			12		
6	Bản Nuống			7		
7	Bản Há			7		
8	Bản Sát			8		
9	Bản Hua Sát			11		
10	Bản Thuận Ôn			10		
11	Bản Cù			7		
VI	Xã Long Hẹ	III		Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ		
1	Bản Pá Púa			15		
VII	Xã Chiềng Bôm	III		Trường PTDT bán trú THCS Co Mạ		
1	Bản Hua Ty A			22		
VIII	Xã Nậm Lầu	III		Trường THCS Bản Lầu		
1	Bản Nà Kẹ			7		
IX	Xã Bó Mười	III	Trường Tiểu học Bó Mười A			
1	Bản Nong Sàng		5			
2	Bản Nà Viêng		4			
X	Xã Chiềng Ly	II		Trường THCS Chiềng Ly	Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Bôm Pao	ĐBKK		10		
2	Bản Hán	ĐBKK		10	15	
XI	Xã Chiềng Ngâm	II		Trường THCS Chiềng Ngâm		

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Bản Búa Bon	ĐBKK		8,6		
XII	Xã Liệp Tè	III	Trường Tiểu học Liệp Tè	Trường THCS Liệp Tè		
1	Bản Bắc		24	24		
2	Bản Lụ		14	14		
3	Bản Co Săn (Săn)		11	11		
4	Bản Ta Mạ		10	10		
5	Bản Kia		11	11		
6	Bản Tát Ướt		8	8		
7	Bản Ban Xa		11	11		
8	Bản Cang		8	8		
9	Bản Co Khết		10	10		
10	Bản Mông Nọi		13	13		
11	Bản Mông Luông		17	17		
12	Bản Chà Lào		18	18		
13	Bản Tát		23	23		
14	Bản Hiên		8			
XIII	Xã Chiềng Pha	III			Trường THPT Thuận Châu	
1	Nà Heo				11	
2	Hưng Nhân				12	
3	Bản Trọ				14	
4	Lọng Pháng				13	
5	Nà Trại				14	
6	Chiên Luông Mai				13,5	
7	Bản Sại				14	
8	Quỳnh Thuận				14	
9	Huổi Tát				16	
10	Nong Lào				14,5	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
11	Bản Hán				17	
XIV	Xã Púng Tra	III			Trường THPT Thuận Châu	
1	Nà Hát				10	
XV	Xã Thôm Mòn	II			Trường THPT Thuận Châu	
1	Bản Chùn	ĐBKK			10,6	
2	Bản Nong Chiêng	ĐBKK			10,6	
XVI	Xã Bon Phặng	II			Trường THPT Tông Lạnh	
1	Bản Nam Tiến	ĐBKK			10	
2	Bản Nong Ổ	ĐBKK			10	
9. Huyện Mường La: gồm 18 xã, 115 bản						
I	Xã Tạ Bú	III	Trường tiểu học Tạ Bú	Trường THCS Tạ Bú	Trường THPT Mường La	
1	Bản Noong Phụ				27	
2	Bản Chom cọ				28	
3	Bản Tôm				19	
4	Bản Kết			8		
5	Pá Toong		13	13	27	
6	Bản Pết		4		18	
7	Bản Bắc				18,1	
8	Bản Buôi			9,1	23,1	
9	Bản Pậu			7,5	21,5	
10	Bản Mòn				11	
11	Thôn Tạ Bú				13	
12	Bản Búng				14	
			Trường tiểu học Mường Chùm A	Trường THCS Mường Chùm		
1	Bản Chom cọ		7	7		
					Trường THPT Mường Bú	
1	Bản Pậu				15	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐBKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
					Trường THPT Mường Bú	
2	Bản Bắc				16	
3	Bản Kết				11	
4	Pá Toong				15	
5	Bản Pét				14	
6	Bản Tôm				14	
7	Bản Búng				15	
8	Bản Tạ Bú				10	
9	Bản Buổi				17	
II	Xã Nậm Pấm	III	Trường tiểu học Nậm Pấm	Trường THCS Nậm Pấm	Trường THPT Mường La	
1	Bản Ít		4,5		13,5	
2	Bản Hua Piêng		8	8		
3	Bản Huổi Có		5			
4	Bản Nong Bấu		7	7		
5	Bản Piêng				11,5	
6	Hua Nậm		4,5			
III	Xã Pi Toong	III			Trường THPT Mường La	
1	Bản: Nà Trà				12	
					Trường THPT Mường Bú	
2	Bản Nà Nôm				27	
IV	Xã Mường Trai	III	Trường TH-THCS Mường Trai	Trường TH -THCS Mường Trai	Trường THPT Mường La	
1	Bản Huổi Muôn 2				17	
2	Bản Huổi Ban				27	
			Trường TH-THCS Mường Trai	Trường TH -THCS Mường Trai	Trường THPT Mường La	
3	Phiêng Xe		4		15	
4	Hua Nà		4		15	
5	Búng Cuồng		9	9	20	

TT	Tên xã, bản	Thuộc xã ở khu vực II, III, bản ĐRKK	Khoảng cách từ nhà đến trường, điểm trường (Km)			Ghi chú
			Trường, điểm trường tiểu học (khoảng cách từ 04 km trở lên)	Trường THCS (khoảng cách từ 07 km trở lên)	Trường THPT (khoảng cách từ 10 km trở lên)	
1	2	3	4	5	6	7
6	Lả Mường		7	7	18	
7	Bản Khâu Ban				11	
8	Bản Cang Mường				13	
9	Bản Bó Ban				13,5	
V	Xã Hua Trai	III	Trường tiểu học Hua Trai		Trường THPT Mường La	
1	Bản Nà Lồi				16,1	
2	Bản Huổi Nạ				22	
3	Bản Lọng Bong				23	
4	Bản Nậm Hồng				26	
5	Phiêng Hoi		4			
6	Bản Đông		5,5			
					Trường THPT Mường Bú	
7	Bản Ổ				37	
VI	Xã Chiềng Lao	III			Trường THPT Mường La	
1	Huổi Hậu				33	
2	Nà Léch 1				32	
3	Bản Pậu				31	
4	Phiêng Phả				42	
5	Đán Ến				46	
					Trường THPT Mường Bú	
1	Bản Pậu				35	
VII	Xã Nậm Giôn	III			Trường THPT Mường La	
1	Pá Pù				66,5	
VIII	Xã Ngọc Chiến	III	Trường Tiểu học Ngọc Chiến B		Trường THPT Mường La	
1	Bản:Pú Dánh				44,5	
2	Bản: Giảng Phổng				44,5	
3	Bản: Nà Din				41	